

Số: 77/2024/QĐST-DS

Trà Ôn, ngày 26 tháng 8 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2024, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 282/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- *Nguyên đơn:* 1/ Bà **Trần Thị Thu H**, sinh năm 1961

2/ Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1962

Cùng địa chỉ: ấp C, xã M, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông **Đỗ Lê Cao Đăng T**, sinh năm 1980 đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 12/12/2022).

Địa chỉ: Số 84/19 Dương Đ, phường B, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà **Lê Thị Kiều N**, sinh năm 1963

Địa chỉ: Số 3/33, khu 5, thị F, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp cho bà Nga: Anh **Lưu Thanh P**, sinh năm 1985 đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 28/04/2023.

Địa chỉ: Số 150Đ/9, ấp L, xã Long Phước, huyện H, tỉnh Vĩnh Long

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1/ Chị **Nguyễn Trần Diễm C**, sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp G, xã M, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long

Tạm trú: ấp M1, xã M, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp cho chị Châu: Ông **Đỗ Lê Cao Đăng T**, sinh năm 1980 đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 15/5/2023).

Địa chỉ: Số 150Đ/9, ấp L, xã Long Phước, huyện H, tỉnh Vĩnh Long

2/ Anh **Trần Văn Trường G**, sinh năm 1988

Nơi cư trú: Số 258, phường Nguyễn T, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: ấp M1, xã M, huyện Ô, tỉnh Vĩnh Long.

## 2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**2.1.** Công nhận cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị Thu H phần đất thuộc thửa 78, tờ bản đồ số 36, diện tích 51,0m<sup>2</sup> và tài sản trên đất gồm 01 căn nhà cấp 4 bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch men, la phong, máy lợp tole thiết, cửa sắt kéo và cửa sắt kính; nhà và đất tọa lạc tại ấp Mỹ Trung, xã Thiện Mỹ, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (có trích đo bản đồ hiện trạng khu đất kèm theo).

**2.2.** Buộc bà Trần Thị Thu H và ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Kiều N số tiền còn nợ 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng*).

**2.3.** Buộc chị Nguyễn Trần Diễm C và anh Trần Văn Trường G có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Kiều N số tiền còn nợ 2.500.000.000đ (*Hai tỷ năm trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra Quyết định này cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

**3.** Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị Thu H có nghĩa vụ nộp 3.109.559đ số tiền này ông Điện và bà H đã nộp khấu trừ đủ.

## 4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

**4.1.** Ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị Thu H có nghĩa vụ nộp nghĩa vụ liên đới nộp  $\frac{1}{2}$  án phí trên số tiền buộc trả 1.000.000.000đ là 10.500.000đ (*Mười triệu năm trăm ngàn đồng*) nhưng miễn toàn bộ cho ông Đ và bà H do thuộc diện người cao tuổi được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết

326/16/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**4.2.** Chị Nguyễn Trần Diễm C và anh Trần Văn Trường G có nghĩa vụ liên đới nộp  $\frac{1}{2}$  án phí trên số tiền buộc trả 2.500.000.000đ là 20.500.000đ (*Hai mươi triệu năm trăm ngàn đồng*).

**4.3.** Bà Lê Thị Kiều N có nghĩa vụ nộp tổng cộng 31.000.000đ (*Ba mươi một triệu đồng*). (Trong đó  $\frac{1}{2}$  đối với số tiền 1.000.000.000đ là 10.500.000đ và  $\frac{1}{2}$  đối với số tiền 2.500.000.000đ là 20.500.000đ), nhưng miễn toàn bộ cho bà N do thuộc diện người cao tuổi được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/16/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**5.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**6.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Lưu: hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Trần Hoàng Phú**